

Số: 1900894

|                                            | Kia K3 1.6 Luxury       | Mazda CX-3 1.5L Premium |
|--------------------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Giá niêm yết:                              | 584.000.000đ            | 641.000.000đ            |
| KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:                   |                         |                         |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 4640 x 1800 x 1450      | 4275 x 1765 x 1535      |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 2700                    | 2570                    |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 5300                    | 5300                    |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 150                     | 155                     |
| Khối lượng không tải (kg)                  | n/a                     | 1276                    |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | n/a                     | 1695                    |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 520                     | 350                     |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 50                      | 48                      |
| Số chỗ ngồi                                | 5                       | 5                       |
| Nguồn gốc                                  | SX-LR trong nước        | Nhập Khẩu               |
| DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:                      |                         |                         |
| Loại động cơ                               | 1.6 MPI GAMMA           | Skyactiv-G 1.5L         |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 1591                    | 1496                    |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 126 / 6300              | 110 / 6000              |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 155 / 4850              | 144 / 4000              |
| Hộp số                                     | 6AT                     | 6AT                     |
| Hệ thống dẫn động                          | Cầu trước (FWD)         | Cầu trước (FWD)         |
| Hệ thống treo trước                        | Mc Pherson              | Độc lập Mc Pherson      |
| Hệ thống treo sau                          | Thanh xoắn              | Thanh xoắn              |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                     | Đĩa                     |
| Hệ thống phanh sau                         | Đĩa                     | Đĩa                     |
| Thông số lốp xe                            | 225/45 R17              | 215/50 R18              |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 8.46                    | 8.56                    |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 5.67                    | 5.02                    |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 6.68                    | 6.31                    |
| Chế độ lái                                 | Eco/Comfort/Sport/Smart | Normal/Sport            |
| NGOẠI THẤT:                                |                         |                         |
| Cụm đèn trước                              | Halogen                 | LED                     |
| Đèn trước tự động bật/tắt                  | ●                       | ●                       |
| Đèn ban ngày LED                           | ●                       | ●                       |
| Đèn sương mù                               | LED                     | LED                     |
| Cụm đèn sau                                | LED                     | LED                     |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | ●                       | ●                       |
| Cửa sổ trời                                | ●                       |                         |
| NỘI THẤT - TIỆN NGHI:                      |                         |                         |
| Vô lăng bọc da                             | ●                       | ●                       |
| Chất liệu ghế                              | Da                      | Da                      |
| Ghế người lái chỉnh điện                   | ●                       | ●                       |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ         | ●                       | ●                       |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                     | ●                       | ●                       |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin              | LCD 3.5"                | Analog & Digital        |
| Màn hình giải trí trung tâm                | 8"                      | 7"                      |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto         | ●                       | ●                       |

|                           |       |       |
|---------------------------|-------|-------|
| Hệ thống điều hòa tự động | ●     | ●     |
| Số vùng khí hậu điều hòa  | 2     | 1     |
| Cửa gió cho hàng ghế sau  | ●     |       |
| Chìa khóa thông minh      | ●     | ●     |
| Khởi động nút bấm         | ●     | ●     |
| Khởi động từ xa           | ●     |       |
| Hệ thống âm thanh         | 6 Loa | 6 loa |

#### **AN TOÀN:**

|                                            |     |                |
|--------------------------------------------|-----|----------------|
| Số túi khí                                 | 2   | 6              |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS           | ●   | ●              |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD           | ●   | ●              |
| Hệ thống cân bằng điện tử                  | ●   | ●              |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS | ●   | ●              |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA    | ●   | ●              |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa            | ●   | ●              |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm               | ●   | ●              |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                      | Sau | Sau            |
| Hệ thống điều khiển hành trình             | ●   | Cruise control |
| Camera lùi                                 | ●   | ●              |